

Bản án số: 23/2020/HS-ST
Ngày 01/9/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thiềm;
2. Ông Phạm Thế Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hồng Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2020/TLST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị T**; Sinh ngày 25/11/1977 tại huyện S, tỉnh Bình Định; Nơi ĐKKTT và chỗ ở hiện nay: Số nhà 54 đường C, tổ dân phố 6, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; Con ông: Nguyễn N (đã chết); Con bà: Phạm Thị M, sinh năm 1950. Bị cáo có chồng tên là Văn L, sinh năm: 1975; Bị cáo có 02 người con. Con lớn nhất, sinh năm: 2008 và con nhỏ nhất, sinh năm: 2010; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 16/6/2020 cho đến nay, hiện đang tại ngoại, có mặt.

*** Người bị hại:**

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970; Trú tại: Số nhà 50 đường C, tổ dân phố 6, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

*** Người làm chứng:**

1. Anh Mai Sỹ A, sinh năm 1977; Trú tại: Tổ dân phố 3, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

2. Bà Hồ Thị U, sinh năm 1949; Trú tại: Số nhà 58 đường C, tổ dân phố 6, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 09/11/2019, Nguyễn Thị T trú tại số nhà 54 đường C, tổ dân phố 6, thị trấn B, huyện K đang gọt trái cây bằng con dao hai lưỡi tại quầy tạp hóa của gia đình. Lúc này, T nghe tiếng của bà Nguyễn Thị H trú tại số nhà 50 đường C cùng tổ dân phố nói: “Mày hỗn như chó!”, nghe vậy T đứng dậy mặt quay nhìn ra đường thấy bà H đứng ở mép đường cách T khoảng 02 đến 03 mét, trên tay có cầm mũ bảo hiểm. Quan sát xung quanh không thấy có ai khác, cho rằng bà H chửi mình, nên T chửi lại: “ Vừa lùn, vừa xấu, vừa vô duyên, vừa thối”, dứt lời thì bà H đi vào nhà T và đến phía trước mặt T nói: “Mày nói gì?”, T trả lời: “Quán tôi, tôi thích nói gì thì tôi nói!”, bà H nói: “Mày hỗn với cha mày quen rồi, mày hỗn với tao hả?”, thì T đưa ngón trỏ tay trái chỉ về phía bà H và nói: “Tao hỗn với cha tao khi nào, cha tao chết rồi đừng động đến cha tao!”, dứt lời thì bà H cầm mũ bảo hiểm vung lên cao đánh về phía T nhưng không trúng thì T tay phải cầm dao hai lưỡi đánh trả, thấy T vung dao chém, bà H đi ra ngoài đường, T đi ra theo và liên tục dùng dao chém về phía bà H, khi gần ra đến đường thì chém trúng vào trán của bà H gây thương tích.

Ngày 15/11/2019, người bị hại Nguyễn Thị H đã viết đơn đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Ana khởi tố vụ án hình sự đối với Nguyễn Thị T về hành vi Cố ý gây thương tích.

Tại bản kết luận pháp y thương tích số 188/TgT-TTPY ngày 11/02/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận: Bà Nguyễn Thị H bị sẹo chéo, phẳng gọn trán phải cách giữa cung mày phải 2,5 cm nằm dưới chân tóc có kích thước 1,5x0,1 cm; Bầm tím sung nề cẳng tay trái. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 3%; vật tác động sắc.

Tang vật thu giữ:

- 01 con dao lưỡi trong (loại dao hai lưỡi), dài 27cm, cán bằng gỗ dài 11,5cm, đường kính 2,8cm; lưỡi dao bằng kim loại tối màu, hình elíp (bầu dục), chỗ rộng nhất kích thước 7cm (dao đã qua sử dụng);

- 01 mũ bảo hiểm màu xanh lá cây (đã cũ); mặt ngoài phía sau mũ có in dòng chữ nổi “nón sơn”; mặt ngoài phía trước bên trái có dính lớp vật chất màu đỏ.

Tại bản cáo trạng số 23/CT-VKS-HS ngày 03 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Kết quả xét hỏi công khai tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng và thừa nhận Viện kiểm sát

nhân dân huyện Krông Ana truy tố bị cáo về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là đúng hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị T theo bản Cáo trạng số: 23/CT-VKS-HS ngày 03 tháng 8 năm 2020 và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, n, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đề nghị xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị T từ 06 đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

*** Các biện pháp tư pháp:**

- *Về trách nhiệm dân sự:* Căn cứ vào Điều 46 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 590 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị H tiền chi phí điều trị ở bệnh viện và ở nhà, tiền ngày công bị mất thu nhập, tiền xe ô tô (taxi) chở đi điều trị ở bệnh viện và về nhà, tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm. Tổng cộng là 6.569.688 đồng.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.000.000 đồng mà bị cáo Nguyễn Thị T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 1418 ngày 12/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, để đảm bảo công tác thi hành án.

- *Về xử lý vật chứng:* Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 chiếc mũ bảo hiểm màu xanh lá cây (đã cũ) của bà Nguyễn Thị H cần trả lại cho bà H.

Đối với 01 con dao lưỡi trong (loại dao hai lưỡi) của bị cáo Nguyễn Thị T dùng làm công cụ phạm tội không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Thị T tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Hành vi dùng dao chém vào đầu bà Nguyễn Thị H vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 09/11/2019 trước ngôi nhà số 56, đường C, tổ dân phố 6, thị trấn B, huyện K của bị cáo T, hậu quả làm cho bà H bị thương, tỷ lệ tổn thương cơ thể là 03%; Dao là hung khí nguy hiểm. Do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra. Hành vi của

bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự, như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại Điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng hung khí nguy hiểm;”

[2]. Xét tính chất vụ án, mức độ cũng như hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là người có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của bản thân trong cuộc sống, bị cáo phải biết được rằng tính mạng, sức khỏe của con người là vốn quý, là bất khả xâm phạm, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật phải được nghiêm trị. Do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi mà bị cáo gây ra.

[3]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội; là người phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã tự nguyện nộp tiền bồi thường cho người bị hại; hiện bị cáo là người đang có thai. Người bị hại cũng có một phần lỗi do chủrối xúc phạm bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, n, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xét thấy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước.

Với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. HĐXX cần áp dụng khoản 1, 2 Điều 65 BLHS, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà áp dụng chế định miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện, cho bị cáo hưởng án treo và ấn định một thời gian thử thách, cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội.

[4]. Các biện pháp tư pháp:

Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ vào Điều 46 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 590 Bộ luật dân sự. Về yêu cầu bồi thường thiệt hại của người bị hại, thấy hành vi phạm tội của bị cáo gây thiệt hại cho sức khỏe của bà Nguyễn Thị H, xét những khoản tiền bà H yêu cầu, thì có một số khoản tiền không phù hợp với pháp luật và không được chấp nhận như: Tiền khám chữa bệnh tại phòng khám 30 D, thành phố M 352.539 đồng (không có hóa đơn); tiền công người nuôi tại bệnh viện 03 ngày 540.000 đồng; tiền ăn người nuôi 300.000 đồng; tiền công người chăm sóc bệnh nhân sau khi ra viện 07 ngày 1.260.000 đồng; về các khoản tiền ngày công bị mất thu nhập người chăm sóc cho

bà H là ông Lê Văn B (chồng bà H) đang là giáo viên vẫn được trường học trả lương đầy đủ nên không chấp nhận, còn một số khoản tiền cần tính toán lại cho phù hợp như tiền xe đi tái khám 800.000 đồng, tiền mất thu nhập 15 ngày 2.700.000 đồng. Vì vậy không chấp nhận yêu cầu bồi thường toàn bộ tiền thuốc, tiền viện phí điều trị ở bệnh viện và buộc bị cáo phải bồi thường các khoản tiền sau:

Tiền thuốc, tiền viện phí điều trị ở bệnh viện và sau khi ra viện 2.537.149 đồng; tiền thuê xe đi khám và chữa bệnh 1.200.000 đồng; tiền thuê nhà trọ nuôi bệnh nhân 03 ngày x 150.000đ/ngày = 450.000 đồng; Tiền mất thu nhập 10 ngày x 180.000đ/ngày = 1.800.000 đồng; tiền bồi dưỡng sức khỏe 1.500.000 đồng; tiền tổn thất về tinh thần là 2.980.000 đồng (tương đương với 02 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định, tại thời điểm xét xử). Tổng cộng là 10.467.149 đồng.

Để đảm bảo công tác thi hành án, tiếp tục tạm giữ số tiền 5.000.000 đồng mà các bị cáo T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, để bồi thường cho bà H.

[6]. Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 chiếc mũ bảo hiểm màu xanh lá cây (đã cũ) của bà Nguyễn Thị H cần trả lại cho bà H.

Đối với 01 con dao lưỡi trong (loại dao hai lưỡi) của bị cáo Nguyễn Thị T dùng làm công cụ phạm tội không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7]. Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8]. Về án phí: Cần buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, n, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị T 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Bị cáo T thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới, thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

2. Các biện pháp tư pháp:

2.1. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ vào Điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 590 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị H 10.467.149 đồng (*Mười triệu, bốn trăm sáu mươi bảy nghìn, một trăm bốn mươi chín đồng*) tiền thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) mà bị cáo Nguyễn Thị T đã nộp để bồi thường cho bà Nguyễn Thị H. Theo Biên lai thu tiền số 1418 ngày 12/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, để đảm bảo công tác thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Khoản 1 điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Điểm b khoản 1 Điều 46; Điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị H 01 chiếc mũ bảo hiểm màu xanh lá cây.

Tịch thu tiêu hủy 01 con dao lưỡi trong (loại dao hai lưỡi) của bị cáo Nguyễn Thị T dùng làm công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng.

(Hiện vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K theo như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 04/8/2020 lưu tại hồ sơ vụ án).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 523.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng bị cáo phải chịu 723.000 đồng (*Bảy trăm, hai mươi ba nghìn đồng*) tiền án phí.

Bị cáo; Người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1- TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Ana;
- Công an huyện Krông Ana;
- THA phạt tù (để thi hành);
- Chi cục THADS huyện K;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Đoàn